

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên
Ông Mai Xuân Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Hưng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Tuy	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Công	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Đức	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2015)


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Phùng Văn Công
Phó Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Số. 469 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang thi công và đầu tư một số dự án. Do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại, Công ty chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của các dự án này cũng như tính khả thi nếu tiếp tục thực hiện. Chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng hoặc thực hiện các thủ tục thay thế, do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề được nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhân mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán ký ngày 18 tháng 9 năm 2015, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã ký ngày 11 tháng 3 năm 2015.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 645.119.465 VND và khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng là 45.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho đến khi nhận được chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Công ty đánh giá rằng các khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		927.756.734.979	1.178.142.040.979
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	78.916.392.024	350.237.158.131
1. Tiền	111		18.916.392.024	275.237.158.131
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	75.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		647.894.190.591	492.416.523.551
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	649.688.198.897	501.418.108.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.103.291.982	12.147.418.773
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	34.710.209.201	19.158.350.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(46.607.509.489)	(40.307.354.276)
III. Hàng tồn kho	140	10	199.180.650.264	330.142.837.071
1. Hàng tồn kho	141		199.180.650.264	330.142.837.071
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.765.502.100	5.345.522.226
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.765.502.100	5.345.522.226
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		315.747.830.518	313.095.801.893
I. Tài sản cố định	220		45.765.200.780	52.974.096.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	45.765.200.780	52.974.096.754
- Nguyên giá	222		123.256.140.123	122.393.825.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.490.939.343)	(69.419.729.069)
II. Bất động sản đầu tư	230	13	4.675.928.338	-
- Nguyên giá	231		4.837.167.246	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(161.238.908)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	237.412.433.022	180.078.630.402
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.528.971.570	2.528.971.570
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		234.883.461.452	177.549.658.832
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	15.149.661.547	34.446.751.547
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.837.200.000	35.134.290.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(687.538.453)	(687.538.453)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.744.606.831	45.596.323.190
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	12.744.606.831	45.596.323.190
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.243.504.565.497	1.491.237.842.872

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		900.997.257.316	1.150.805.062.219
I. Nợ ngắn hạn	310		888.431.526.428	952.655.032.567
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	235.958.091.535	355.665.635.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	51.007.811.824	248.791.311.599
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	8.150.794.878	21.649.493.964
4. Phải trả người lao động	314		12.961.541.063	15.019.875.323
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	55.336.771.894	43.236.382.167
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		275.538.654	275.538.654
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	25.086.472.009	8.497.813.672
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	498.102.010.728	259.519.313.991
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.552.493.843	(332.243)
II. Nợ dài hạn	330		12.565.730.888	198.150.029.652
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17	-	148.781.860.539
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	28.829.030.641
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	12.565.730.888	20.539.138.472
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		342.507.308.181	340.432.780.653
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	342.507.308.181	340.432.780.653
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.409.402.716	10.107.757.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.097.905.465	30.325.022.728
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(4.474.270.855)	5.648.650.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		35.572.176.320	24.676.372.090
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.243.504.565.497	1.491.237.842.872


Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởngPhùng Văn Công
Phó Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.139.516.313.795	903.928.674.969
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.139.516.313.795	903.928.674.969
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.029.502.802.777	822.491.613.329
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		110.013.511.018	81.437.061.640
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.918.720.482	1.752.371.151
6. Chi phí tài chính	22	29	25.733.536.908	24.029.333.711
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.733.536.908	23.739.930.532
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	45.023.961.197	17.042.357.644
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		43.174.733.395	42.117.741.436
9. Thu nhập khác	31		11.897.371.632	6.257.146.390
10. Chi phí khác	32		6.348.222.626	15.542.473.899
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		5.549.149.006	(9.285.327.509)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		48.723.882.401	32.832.413.927
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	13.151.706.081	8.156.041.837
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		35.572.176.320	24.676.372.090
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.186	730

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởngPhùng Văn Công
Phó Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	
		(Trình bày lại)	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.723.882.401	32.832.413.927
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.931.506.227	9.266.496.461
Các khoản dự phòng	03	(1.673.252.371)	(16.534.975.802)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.246.682.737)	(1.752.371.151)
Chi phí lãi vay	06	25.733.536.908	23.739.930.532
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.468.990.428	47.551.493.967
(Tăng) các khoản phải thu	09	(161.716.419.475)	(216.176.144.487)
Giảm hàng tồn kho	10	126.125.019.561	18.651.025.579
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(477.287.822.471)	353.741.343.689
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.162.585.634)	1.130.115.284
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.222.903.674)	(23.916.251.798)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.759.142.298)	(4.903.871.519)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	17.700.000	600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.524.202.818)	(920.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(479.061.366.381)	175.157.710.715
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(24.351.049.622)	(679.877.182)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	354.545.455	-
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	19.297.090.000	112.727.682
4. Thu lãi tiền gửi	27	3.857.317.704	1.752.371.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(842.096.463)	1.185.221.651
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	891.441.235.290	562.963.272.472
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(652.858.538.553)	(540.564.853.310)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(30.000.000.000)	(15.888.890.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	208.582.696.737	6.509.529.162
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(271.320.766.107)	182.852.461.528
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	350.237.158.131	167.384.696.603
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	73.916.392.024	350.237.158.131

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểuLê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 580 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 507).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Do đặc điểm hoạt động của Công ty chủ yếu làm trong lĩnh vực xây lắp, Công ty không có chu kỳ sản xuất kinh doanh cố định mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần và các chi phí trả trước khác.

Lợi thế kinh doanh được Công ty phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thừa đất. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh theo mục đích sử dụng của các thừa đất là phù hợp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh từ các ước tính kế toán do chi phí tập hợp chưa đầy đủ tại ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Các khoản chi phí trích trước này sẽ đảm bảo rằng công trình được tập hợp đầy đủ chi phí trong trường hợp các phần công việc của công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán với nhà thầu phụ, nhà cung cấp hoặc các tổ đội thi công. Việc trích trước chi phí công trình tuân theo các quy định hiện hành về kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH**

Sau khi phát hành báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty ký ngày 11 tháng 3 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã nhận được Biên bản kiểm toán ký ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2014 theo kết quả kiểm toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty xác định báo cáo tài chính năm 2014 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Tổng ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014 giảm 5.490.460.375 VND và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2014 giảm 1.016.189.520 VND.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục	31/12/2014	Điều chỉnh hồi tố	31/12/2014
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
TÀI SẢN			
Phải thu khách hàng	503.189.547.491	(1.771.439.323)	501.418.108.168
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(47.573.245.925)	7.265.891.649	(40.307.354.276)
Hàng tồn kho	323.213.395.202	9.458.413.439	332.671.808.641
NGUỒN VỐN			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.826.723.422	(1.177.229.458)	21.649.493.964
Chi phí phải trả	32.830.835.908	10.405.546.259	43.236.382.167
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(59.901.352)	59.569.109	(332.243)
Dự phòng phải trả dài hạn	10.139.887.762	10.399.250.710	20.539.138.472
Quỹ dự phòng tài chính	698.319.888	(260.000.000)	438.319.888
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.150.642.945	(4.474.270.855)	24.676.372.090

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoản mục	2014	Điều chỉnh hồi tố	2014
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	905.539.074.354	(1.610.399.385)	903.928.674.969
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	811.145.229.799	11.346.383.530	822.491.613.329
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.248.680.184	(7.206.322.540)	17.042.357.644
Chi phí khác	15.802.473.899	(260.000.000)	15.542.473.899
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.172.231.357	(1.016.189.520)	8.156.041.837
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.150.642.945	(4.474.270.855)	24.676.372.090

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Khoản mục	2014		2014
	(Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
Các khoản dự phòng	(9.269.084.153)	(7.265.891.649)	(16.534.975.802)
Thay đổi các khoản phải thu	(217.687.583.810)	1.511.439.323	(216.176.144.487)
Thay đổi hàng tồn kho	28.109.439.018	(9.458.413.439)	18.651.025.579
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	333.038.017.549	20.703.326.140	353.741.343.689

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	263.647.498	1.652.354.051
Tiền gửi ngân hàng	18.652.744.526	273.584.804.080
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	75.000.000.000
	78.916.392.024	350.237.158.131

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu.

Theo Công văn số 62/2015/CV-OCEANBANK ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 554/CNDD-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Công ty, Oceanbank tạm dừng việc chi trả cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 645.119.465 VND và khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 45.000.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho đến khi nhận được chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	64.011.954.843	48.788.521.139
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	32.374.999.999	50.374.999.999
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.580.160.925	7.097.380.925
Các đối tượng khác	78.080.552.962	52.401.226.725
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	306.744.434.907	250.946.552.970
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	81.269.955.899	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	27.300.469.925
Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	22.772.557.157	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	9.387.628.964	9.387.628.964
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	8.917.182.475	8.917.182.475
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.541.190.210	7.541.190.210
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	5.638.766.005	30.197.809.127
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	6.396.801.083
	649.688.198.897	501.418.108.168

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	-
Tạm ứng	6.890.299.912	10.885.330.085
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
Phải thu khác	3.103.515.778	5.004.147.290
	34.710.209.201	19.158.350.886

9. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	924.249.329	27.300.469.925	8.190.140.978
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	8.917.182.475	4.127.188.003	8.917.182.475	6.522.185.239
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.580.160.925	-	7.097.380.925	-
Bệnh viện Việt Nam Cu Ba	3.819.490.482	-	3.819.490.482	347.226.407
Các khách hàng khác	4.036.853.505	-	4.227.593.584	-
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	-	3.268.873.511	-
Các đối tượng khác	735.915.998	-	735.915.998	-
	51.658.946.821	5.051.437.332	55.366.906.900	15.059.552.624

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015	31/12/2014
	Giá gốc	(Trình bày lại)
	VND	Giá gốc VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.465.398.853	46.312.957.740
Công cụ, dụng cụ	-	85.840.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	152.897.069.593	251.925.857.513
Hàng hóa bất động sản	31.818.181.818	31.818.181.818
	199.180.650.264	330.142.837.071

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	Giá gốc	(Trình bày lại)
	VND	Giá gốc VND
Công trình thi công một số hạng mục tại Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa	39.931.381.000	50.090.144.258
Công trình Văn phòng, phòng học, nhà công vụ, ký túc xá sinh viên trường Đại học Dầu khí	19.988.446.271	762.783.911
Công trình Âu tàu và Trung tâm điều khiển âu tàu Rạch Chanh	14.515.431.455	5.453.291.774
Công trình Trung tâm Phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	13.315.969.546	31.481.583.764
Công trình Kho hàng Phước Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP HCM	12.952.454.276	974.926.932
Công trình Chung cư Long Sơn Riverside	11.776.304.657	114.195.555
Công trình Cao ốc hỗn hợp HH1 VietsovPetro	10.001.586.434	2.326.590.720
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Thái Bình	8.313.941.678	13.117.351.849
Công trình Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4.465.147.530	-
Công trình Kho chứa hàng sân bay Tân Sơn Nhất	2.953.866.257	2.864.101.819
Công trình Chung cư số 242 Nguyễn Hữu Cảnh, Vũng Tàu	-	121.250.045.227
Các công trình khác	14.682.540.489	23.490.841.704
	152.897.069.593	251.925.857.513

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.185.097.599	4.406.171.767
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	580.404.501	939.350.459
	1.765.502.100	5.345.522.226
b. Dài hạn		
Lợi thế kinh doanh (i)	-	38.998.460.856
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.311.784.827	5.732.218.330
Chi phí đền bù khu đất số 35D đường 30/4	432.822.004	865.644.004
	12.744.606.831	45.596.323.190

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (Tiếp theo)**

- (i) Lợi thế kinh doanh thể hiện giá trị chênh lệch sau khi đánh giá lại tài sản nhận vốn góp từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) đã được Hội đồng Quản trị PVC phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLDK ngày 30 tháng 12 năm 2009. Tài sản nhận góp vốn bao gồm quyền sử dụng đất tại 03 thửa đất: (1) thửa đất số 108 tại số 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m² có lợi thế kinh doanh là 4.011.700.000 VND; (2) thửa đất số 10 và 215 tại số 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² có lợi thế kinh doanh là 24.211.800.000 VND và (3) Thửa đất số 11 tại số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m² có lợi thế kinh doanh là 15.313.200.000 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, lợi thế kinh doanh được Công ty phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất. Do đó, lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện:

(1) phân bổ toàn bộ lợi thế kinh doanh của thửa đất số 108 tại số 242 Nguyễn Hữu Cảnh với số tiền 4.011.700.000 VND vào giá trị công trình dự án chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh xây dựng trên thửa đất này đã hoàn thành.

(2) phân bổ vào chi phí quản lý lợi thế kinh doanh của 1.755 m² thửa đất số 10 và 215 tại số 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu tương ứng với diện tích sử dụng làm Văn phòng Công ty với số tiền lũy kế là 1.316.347.862 VND (trong đó, lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí quản lý trong năm 2015 là 789.808.718 VND).

(3) phân bổ toàn bộ lợi thế kinh doanh của 6.315,6 m² thửa đất số 10 và 215 tại số 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu và lợi thế kinh doanh của thửa đất số 11 tại số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với tổng số tiền 38.208.652.138 VND vào các dự án nằm trên các thửa đất này.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	18.094.843.621	83.889.315.356	12.350.542.415	8.059.124.431	122.393.825.823
Mua sắm mới	-	358.090.909	-	1.229.863.636	1.587.954.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(523.640.245)	(202.000.000)	(725.640.245)
Phân loại lại	-	(6.245.428.000)	10.320.432.987	(4.075.004.987)	-
Tại ngày 31/12/2015	18.094.843.621	78.001.978.265	22.147.335.157	5.011.983.080	123.256.140.123
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	7.378.485.606	45.309.044.641	10.761.983.049	5.970.215.773	69.419.729.069
Trích khấu hao trong năm	1.257.076.488	6.322.443.999	683.605.356	507.141.476	8.770.267.319
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(523.640.245)	(175.416.800)	(699.057.045)
Phân loại lại	-	(2.677.102.650)	4.477.656.803	(1.800.554.153)	-
Tại ngày 31/12/2015	8.635.562.094	48.954.385.990	15.399.604.963	4.501.386.296	77.490.939.343
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	9.459.281.527	29.047.592.275	6.747.730.194	510.596.784	45.765.200.780
Tại ngày 31/12/2014	10.716.358.015	38.580.270.715	1.588.559.366	2.088.908.658	52.974.096.754

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 27.102.510.092 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 17.473.979.428 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư bất động sản đầu tư thể hiện giá trị còn lại phần diện tích sàn của công trình Chung cư tại số 242, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	2.528.971.570	2.528.971.570
Công trình khu phức hợp PTSC Tower 25 tầng, số 266, Lê Lợi, thành phố Vũng Tàu (i)	2.528.971.570	2.528.971.570
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	234.883.461.452	177.549.658.832
Tòa nhà số 33A đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (ii)	115.164.700.040	75.702.734.982
Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu (i)	96.823.309.274	101.846.923.850
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (ii)	16.172.452.138	-
Cao ốc văn phòng 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (ii)	6.723.000.000	-
	237.412.433.022	180.078.630.402

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các dự án (1) Công trình khu phức hợp PTSC Tower 25 tầng, số 266 Lê Lợi, thành phố Vũng Tàu (do Công ty thi công) và (2) Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu (do Công ty đầu tư) đang tạm dừng hoặc chờ tiếp tục đầu tư. Do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các dự án này nên chưa trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho các dự án này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, giá trị quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã phân bổ toàn bộ lợi thế kinh doanh của thửa đất số 11 tại số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu vào dự án tòa nhà số 33A đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (dự án đang triển khai thi công) và lợi thế kinh doanh của 6.315,6 m² thửa đất số 10 và 215 tại số 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu vào 02 dự án cao ốc văn phòng tại số 35D và tại số 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (dự án đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục đầu tư). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc phân bổ lợi thế kinh doanh vào các dự án nêu trên sẽ được quyết toán vào giá trị công trình trong tương lai. Tuy nhiên, do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các dự án đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục đầu tư nên chưa trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho các dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(687.538.453)	2.890.000.000	(687.538.453)
Dự án chung cư Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	-	32.194.290.000	-
	15.837.200.000	(687.538.453)	35.134.290.000	(687.538.453)

- (i) Công ty nhận chuyển nhượng khoản vốn góp trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” tại số 1351, đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) để đối trừ công nợ phải thu từ Petroland. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC Land ngày 8 tháng 6 năm 2010 (“Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20”), các bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” trên khu đất có diện tích 4.863 m² tại số 1351, đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh. Khi dự án hoàn thành, các bên được phân chia sản phẩm và lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp.

Trong năm 2015, theo Hợp đồng số 77/2015/HĐCN-PVCIC/PVICIDICO ngày 28 tháng 8 năm 2015 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20, Công ty đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO một phần vốn đã góp của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20 với số tiền là 19.297.090.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” đang được Công ty thi công. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản đối với khoản góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thép Đất Việt	13.566.874.565	13.566.874.565	41.953.896.886	41.953.896.886
Các đối tượng khác	210.770.600.181	210.770.600.181	311.069.921.810	311.069.921.810
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.219.548.661	5.219.548.661	290.654.056	290.654.056
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.401.054.236	2.401.054.236	-	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.843.599.194	1.843.599.194	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí	1.553.441.480	1.553.441.480	1.613.441.480	1.613.441.480
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	259.778.108	259.778.108	259.778.108	259.778.108
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	225.000.000	225.000.000	225.000.000	225.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	118.195.110	118.195.110	252.943.100	252.943.100
	235.958.091.535	235.958.091.535	355.665.635.440	355.665.635.440

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Ban Quản lý dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	41.991.047.457	60.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.373.377.519	114.483.827.972
Các đối tượng khác	4.643.386.848	74.307.483.627
	51.007.811.824	248.791.311.599
b. Dài hạn		
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	-	148.781.860.539
	-	148.781.860.539

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	(Trình bày lại) VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	16.160.556.796	18.479.194.104	31.336.858.290	3.302.892.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.028.051.382	13.151.706.081	13.759.142.298	4.420.615.165
Các loại thuế khác	460.885.786	32.983.406.131	33.017.004.814	427.287.103
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	460.885.786	1.409.651.656	1.443.250.339	427.287.103
<i>Thuế khác</i>	-	31.573.754.475	31.573.754.475	-
	21.649.493.964	64.614.306.316	78.113.005.402	8.150.794.878

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	55.336.771.894	43.236.382.167
	55.336.771.894	43.236.382.167

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả phí bảo trì Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh	5.822.526.980	2.804.722.846
Lãi vay dự trả	1.085.911.464	575.278.230
Kinh phí công đoàn	454.964.669	474.112.339
Nhận đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ	7.410.000.000	-
Các khoản khác	10.313.068.896	4.643.700.257
	25.086.472.009	8.497.813.672

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	81.258.835.379	81.258.835.379	151.250.684.240	157.706.289.428	74.803.230.191	74.803.230.191
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	84.807.502.614	84.807.502.614	479.036.364.735	360.744.395.845	203.099.471.504	203.099.471.504
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	53.160.092.770	53.160.092.770	146.475.522.975	73.540.555.960	126.095.059.785	126.095.059.785
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu (iv)	40.292.883.228	40.292.883.228	82.044.215.059	60.867.297.320	61.469.800.967	61.469.800.967
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	-	-	32.634.448.281	-	32.634.448.281	32.634.448.281
	259.519.313.991	259.519.313.991	891.441.235.290	652.858.538.553	498.102.010.728	498.102.010.728

- (i) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1167.14.551.687848.TD.DN ngày 30 tháng 12 năm 2014 và phụ lục hợp đồng tín dụng ký vào tháng 01 năm 2016. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Khoản vay này có tài sản đảm bảo bằng các khoản phải thu theo Hợp đồng Bảo đảm số 670.14.551.687848.TC.DN ngày 12 tháng 11 năm 2014 và 013.14.551.687848, đồng thời, Công ty cũng dùng mọi nguồn thu phát sinh từ Dự án, phương án sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của Công ty tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty trong toàn bộ thời gian hiệu lực của hợp đồng này. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 29 tháng 02 năm 2016.
- (ii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 30158/HDHM/DN ngày 14 tháng 10 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 280.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động về việc thi công công trình và phát hành thư bảo lãnh trong nước. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng khế ước. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (iii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2014/PVC-VCB/HM ngày 15 tháng 5 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 60.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình, thành phố Vũng Tàu. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.
- (iv) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 111-14/HĐHMTD-LPBVT ngày 18 tháng 6 năm 2014 và phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng tháng 12 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Mục đích của khoản bảo lãnh là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bổ sung vốn lưu động để thực hiện các dự án bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư. Đây là khoản cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Thời hạn cấp tín dụng cụ thể tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (v) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 9653/2015-HĐTD/NHCT880-PVCIC ngày 25 tháng 6 năm 2015. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ và các quyền khác phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị dự án Nhà hỗn hợp HH1 được ký kết giữa Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và Công ty. Mục đích sử dụng của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công hạng mục phần thân thuộc công trình nêu trên. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh mỗi tháng một lần, lãi suất cho vay áp dụng trong năm 2015 là từ 5,5%/năm đến 6%/năm. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2016.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	12.565.730.888	20.539.138.472
	12.565.730.888	20.539.138.472

Các khoản dự phòng bảo hành công trình phản ánh ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành từ 12 tháng đến 24 tháng mà Công ty áp dụng đối với các công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, dựa trên cơ sở về xác suất các công trình gặp phải sự cố và chi phí mà Công ty phải bỏ ra sau thời điểm bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quỹ dự phòng	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	của chủ sở hữu	tài chính	phát triển	chưa phân phối (Trình bày lại)	
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	-	9.281.198.825	8.131.849.514	317.413.048.339
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.676.372.090	24.676.372.090
Trích lập các quỹ	-	698.319.888	388.239.212	(2.483.198.876)	(1.396.639.776)
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính	-	(260.000.000)	-	-	(260.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	300.000.000.000	438.319.888	9.669.438.037	30.325.022.728	340.432.780.653
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	(438.319.888)	438.319.888	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	300.000.000.000	-	10.107.757.925	30.325.022.728	340.432.780.653
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.572.176.320	35.572.176.320
Trích lập các quỹ (i)	-	-	1.739.964.679	(4.799.293.583)	(3.059.328.904)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Sử dụng quỹ (ii)	-	-	(438.319.888)	-	(438.319.888)
Số dư tại ngày 31/12/2015	300.000.000.000	-	11.409.402.716	31.097.905.465	342.507.308.181

(i) Theo Nghị quyết số 179/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 và lợi nhuận năm 2013 chưa phân phối như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	1.739.964.679 VND;
- Trích quỹ khen thưởng:	1.739.964.679 VND;
- Trích quỹ phúc lợi:	1.043.978.807 VND;
- Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty:	275.385.417 VND;
- Chia cổ tức:	30.000.000.000 VND.

(ii) Công ty đã phân loại số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp (Thông tư 200).

Theo Quyết định số 227/QĐ-CNDD ngày 30 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt giảm số dư Quỹ dự phòng tài chính năm 2014 của Công ty để bù đắp khoản tiền phạt theo Quyết định số 3180/QĐ-CT ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Cục Thuế Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền 689.319.888 VND và do Công ty đã phân loại số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư 200, Công ty ghi giảm quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 438.319.888 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	Vốn đã góp
	VND	%	31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51	153.000.000.000	153.000.000.000
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49	147.000.000.000	147.000.000.000
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	300.000.000.000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+) Cổ phiếu phổ thông

+) Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+) Cổ phiếu phổ thông

+) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

31/12/2015**31/12/2014**

30.000.000

30.000.000

-

-

30.000.000

30.000.000

-

-

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 26. Các công trình của Công ty chỉ được thi công tại Việt Nam.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	1.125.846.035.551	896.225.784.005
Doanh thu hoạt động khác	13.670.278.244	7.702.890.964
	1.139.516.313.795	903.928.674.969

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.025.428.851.098	819.976.027.276
Giá vốn hoạt động khác	4.073.951.679	2.515.586.053
	1.029.502.802.777	822.491.613.329

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	494.592.315.052	427.255.169.994
Chi phí nhân công	172.488.988.662	132.023.715.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.931.506.227	9.266.496.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.360.367.779	207.122.905.626
Chi phí khác bằng tiền	19.020.766.707	69.725.989.923
	997.393.944.427	845.394.277.485

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.918.720.482	1.752.371.151
	3.918.720.482	1.752.371.151

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.733.536.908	23.739.930.532
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	289.403.179
	25.733.536.908	24.029.333.711

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	17.677.596.033	18.346.205.363
Chi phí dự phòng	10.008.115.292	1.628.619.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.809.204.565	1.467.039.535
Chi phí quản lý khác	17.237.005.386	14.053.491.727
b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(3.707.960.079)	(18.452.998.957)
	45.023.961.197	17.042.357.644

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014 (Trình bày lại)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.005.162.960	8.156.041.837
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.146.543.121	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.151.706.081	8.156.041.837

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	48.723.882.401	32.832.413.927
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>5.845.040.144</i>	<i>4.240.503.510</i>
Thu nhập chịu thuế	54.568.922.545	37.072.917.437
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.005.162.960	8.156.041.837

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.572.176.320	24.676.372.090
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.783.943.486)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.572.176.320	21.892.428.604
Số cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.186	730

(*) Theo Nghị quyết số 179/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa xác định số quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trích trong năm 2015. Do đó, cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, Công ty chưa xác định số tiền để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015.

Công ty đã tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 theo hướng dẫn của Thông tư 200.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	498.102.010.728	259.519.313.991
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	78.916.392.024	350.237.158.131
Nợ thuần	419.185.618.704	-
Vốn chủ sở hữu	342.507.308.181	340.432.780.653
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,22	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.916.392.024	350.237.158.131
Phải thu khách hàng và phải thu khác	652.957.072.408	504.686.981.679
Đầu tư dài hạn khác	15.149.661.547	34.446.751.547
Tổng cộng	747.023.125.979	889.370.891.357
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	498.102.010.728	259.519.313.991
Phải trả người bán và phải trả khác	260.589.598.875	392.518.367.414
Chi phí phải trả	55.336.771.894	43.236.382.167
Tổng cộng	814.028.381.497	695.274.063.572

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	<u>Tăng/(Giảm)</u> <u>số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u> <u>nhuận trước thuế</u> VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(4.981.020.107)
VND	-200	4.981.020.107
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(5.190.386.280)
VND	-200	5.190.386.280

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến các khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 51,7 tỷ VND. Trong đó, giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập là khoảng 46,6 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.916.392.024	-	78.916.392.024
Phải thu khách hàng và phải thu khác	652.957.072.408	-	652.957.072.408
Đầu tư dài hạn khác	-	15.149.661.547	15.149.661.547
Tổng cộng	731.873.464.432	15.149.661.547	747.023.125.979
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	498.102.010.728	-	498.102.010.728
Phải trả người bán và phải trả khác	260.589.598.875	-	260.589.598.875
Chi phí phải trả	55.336.771.894	-	55.336.771.894
Tổng cộng	814.028.381.497	-	814.028.381.497
Chênh lệch thanh khoản thuần	(82.154.917.065)	15.149.661.547	(67.005.255.518)
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.237.158.131	-	350.237.158.131
Phải thu khách hàng và phải thu khác	504.686.981.679	-	504.686.981.679
Đầu tư dài hạn khác	-	34.446.751.547	34.446.751.547
Tổng cộng	854.924.139.810	34.446.751.547	889.370.891.357
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	259.519.313.991	-	259.519.313.991
Phải trả người bán và phải trả khác	363.689.336.773	28.829.030.641	392.518.367.414
Chi phí phải trả	43.236.382.167	-	43.236.382.167
Tổng cộng	666.445.032.931	28.829.030.641	695.274.063.572
Chênh lệch thanh khoản thuần	188.479.106.879	5.617.720.906	194.096.827.785

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao nhưng Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	Cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án xây dựng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	549.009.957.779	404.165.738.614
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	120.012.808.181	-
Ban Quản lý dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	59.791.108.181	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	354.678.123	96.399.733.696
Mua hàng, thuê thi công các công trình xây lắp và các dịch vụ khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	23.038.103.971	622.465.681
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	21.827.765.778	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.085.750.009	2.765.476.845
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Thái Bình	1.243.517.355	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	804.669.065	699.815.090
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	328.888.942	59.834.850
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	115.281.455	226.645.074
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Vũng Tàu	169.654.936	86.349.272
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	52.574.212
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	43.276.741
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.067.919.670	2.361.802.295

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	306.744.434.907	250.946.552.970
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	27.300.469.925
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	9.387.628.964	9.387.628.964
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	8.917.182.475	8.917.182.475
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.541.190.210	7.541.190.210
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	5.638.766.005	30.197.809.127
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	6.396.801.083
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	277.306.480
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.219.548.661	290.654.056
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.401.054.236	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.553.441.480	1.613.441.480
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.843.599.194	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	259.778.108	259.778.108
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	225.000.000	225.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	118.195.110	252.943.100
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án xây dựng Trường Đại học Dầu khí	41.991.047.457	60.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.373.377.519	114.483.827.972

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán ký ngày 18 tháng 9 năm 2015 về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã ký ngày 11 tháng 3 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Một số số liệu sau khi điều chỉnh hồi tố của năm trước được phân loại lại theo Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
Tên chi tiêu	31/12/2014	Tên chi tiêu	31/12/2014	
I. TÀI SẢN		I. TÀI SẢN		
1. Các khoản phải thu khác	8.273.020.801	1. Phải thu ngắn hạn khác	19.158.350.886	Đổi tên và phân loại lại
2. Tài sản ngắn hạn khác	10.885.330.085	<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		- Đổi tên và phân loại lại
3. Hàng tồn kho	332.671.808.641	3. Hàng tồn kho	330.142.837.071	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		- 4. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	2.528.971.570	Đổi tên và phân loại lại
II. NGUỒN VỐN		II. NGUỒN VỐN		
1. Người mua trả tiền trước	397.848.710.792	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	248.791.311.599	Đổi tên và phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		- 2. Người mua trả tiền trước dài hạn	148.781.860.539	Đổi tên và phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		- 3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	275.538.654	Phân loại lại
2. Quỹ đầu tư phát triển	9.669.438.037	4. Quỹ đầu tư phát triển	10.107.757.925	Phân loại lại
3. Quỹ dự phòng tài chính	438.319.888	<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		- Phân loại lại



Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu



Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Phùng Văn Công
Phó Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016